

Số: /QĐ-CĐBVN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án: Sửa chữa mặt đường các đoạn Km963+600 - Km964+800, Km965+200 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T) và bổ sung rãnh xương cá đoạn Km963+600 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T), QL.14 (đường HCM), tỉnh Đồng Nai

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng; Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số

13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công việc và các Thông tư sửa đổi, bổ sung số: 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023, số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024, số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025; số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-BXD ngày 01/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-BXD ngày 22/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chấp thuận danh mục nhu cầu quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ do Cục Đường bộ Việt Nam quản lý năm 2026;

Căn cứ văn bản số 7955/BXD-KCHT ngày 07/8/2025 của Bộ Xây dựng về việc chấp thuận danh mục công trình chuẩn bị đầu tư cho Kế hoạch bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1069/QĐ-CĐBVN ngày 08/8/2025 của Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam về việc cho phép chuẩn bị đầu tư công trình sửa chữa cho Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 348/QLCL ngày 28/10/2025 của Phòng Quản lý chất lượng;

Theo đề nghị của Khu Quản lý đường bộ IV tại Tờ trình số 230/TTr-KQLĐBIV ngày 17/10/2025 về việc trình phê duyệt dự án và Báo cáo kiểm tra số 2083/BCKT-BQLDA8 ngày 17/10/2025 của Ban QLDA 8 về việc kiểm tra Báo cáo KTKT dự án: Sửa chữa mặt đường đoạn Km963+600 - Km967+145 và đoạn Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T) QL.14 (đường HCM), tỉnh Đồng Nai kèm theo Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Công trình Toàn Trí – Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Đức Minh lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Sửa chữa mặt đường các đoạn Km963+600 - Km964+800, Km965+200 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T) và bổ sung rãnh xương cá đoạn Km963+600 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T), QL.14 (đường HCM), tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa mặt đường các đoạn Km963+600 - Km964+800, Km965+200 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T) và bổ sung rãnh xương cá đoạn Km963+600 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T), QL.14 (đường HCM), tỉnh Đồng Nai.

3. Người quyết định đầu tư: Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

4. Chủ đầu tư: Khu Quản lý đường bộ IV.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Công trình Toàn Trí – Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Đức Minh.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính

- Loại, nhóm dự án: sửa chữa công trình giao thông đường bộ (cầu, đường, ATGT...), nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: sửa chữa công trình giao thông đường bộ; Công trình cấp II (Công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ để duy trì cấp của Quốc lộ 14 hiện tại).

- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và căn cứ pháp lý khác có liên quan.

7. Mục tiêu dự án: sửa chữa hư hỏng mặt đường; bổ sung hệ thống thoát nước nền đường nhằm bảo đảm, duy trì khả năng khai thác của tuyến đường và kéo dài tuổi thọ công trình.

8. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp sửa chữa chủ yếu

8.1. Quy mô, phạm vi

- Quy mô: giữ nguyên quy mô, tiêu chuẩn tuyến đường hiện hữu (đường cấp II đồng bằng, quy mô mặt cắt ngang: bề rộng nền đường 44,5m; 04 làn xe cơ giới 4x4,0m; 02 làn xe thô sơ 2x7,0m; dải phân cách giữa 2,5m; bề rộng vỉa hè 2x6,0m); tiến hành sửa chữa các hư hỏng mặt đường, bổ sung hệ thống thoát nước nền đường, thảm BTN trên toàn bộ mặt đường, hoàn thiện hệ thống ATGT để cải thiện điều kiện khai thác, kéo dài tuổi thọ công trình.

- Phạm vi: sửa chữa mặt đường các đoạn Km963+600 - Km964+800, Km965+200 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T) và bổ sung rãnh xương cá đoạn Km963+600 - Km967+145, Km967+145 - Km967+450 (T), Km968+000 - Km968+340 (T) QL.14 (đường HCM), tỉnh Đồng Nai.

8.2. Giải pháp sửa chữa chủ yếu

8.2.1. Sửa chữa mặt đường

a) Bình đồ, trắc dọc, trắc ngang

- Bình đồ: tìm tuyến được bám theo tim đường hiện hữu và giữ nguyên các yếu tố hình học của tuyến theo hiện trạng đang khai thác.

- Trắc dọc: thiết kế trắc dọc đảm bảo chiều dày thảm bảo trì mặt đường; vượt nổi về mặt đường hiện hữu đảm bảo êm thuận.

- Trắc ngang

+ Chiều rộng nền, mặt đường: theo quy mô mặt cắt ngang hiện hữu.

+ Độ dốc ngang: thiết kế độ dốc ngang hoàn trả cơ bản theo dốc ngang mặt đường hiện hữu, có điều chỉnh cục bộ đảm bảo êm thuận và thoát nước mặt đường.

b) Sửa chữa hư hỏng cục bộ

- Các vị trí hư hỏng rạn nứt nhẹ, hằn lún vệt bánh xe nhẹ (hư hỏng lớp BTN phía trên): cào bóc lớp BTN hư hỏng (trung bình 6cm); tưới dính bám bằng nhũ

tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTN C19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu.

- Các vị trí hư hỏng rạn nứt nặng, nứt mai rùa, nứt lưới, hằn lún nặng (hư hỏng các lớp BTN): cào bóc các lớp BTN hư hỏng (trung bình 12cm); tưới thảm bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 1,0 kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTN C19 dày 6cm; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTN C19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu.

- Các vị trí hư hỏng trời lún cục bộ mặt đường (hư hỏng đến móng CPĐĐ): đào thay toàn bộ kết cấu móng, mặt đường đến hết chiều sâu hư hỏng, dày tối thiểu 32cm; hoàn trả lại bằng CPĐĐ loại I (gia cố xi măng 5%) dày 20cm; tưới thảm bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 1,0 kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTN C19 dày 6cm; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; thảm hoàn trả bằng BTN C19 dày 6cm đến cao độ mặt đường hiện hữu.

c) Thảm bảo trì mặt đường

- Sau khi sửa chữa hư hỏng cục bộ, tiến hành vệ sinh mặt đường hiện hữu; tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; thảm bảo trì 01 lớp BTN C16 dày 5cm (có sử dụng phụ gia kháng hằn lún) kết hợp bù vênh mặt đường để tạo độ dốc ngang bám theo hiện trạng.

- Vuốt nổi êm thuận về 2 đầu đoạn thảm bảo trì, đường ngang bằng BTNC16 dày trung bình 2,5cm (có sử dụng phụ gia kháng hằn lún).

8.2.2. Bổ sung hệ thống rãnh xương cá thoát nước nền đường

- Bổ sung hệ thống rãnh xương cá dọc và ngang dưới lớp kết cấu áo đường. Rãnh xương cá có kích thước 0,4mx0,35m, xếp đá 4x6 có bọc vải địa bao xung quanh, bên trong bố trí ống PVC D110 được khoan lỗ để thu nước.

- Hoàn trả kết cấu áo đường phạm vi bổ sung rãnh xương cá có kết cấu từ dưới lên trên như sau: 50cm CPĐĐ loại I (gia cố xi măng 5%), tưới thảm bám bằng nhũ tương axit, tiêu chuẩn 1,0 kg/m², thảm BTN C19 dày 6cm, tưới dính bám bằng nhũ tương nhựa đường axit, tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; thảm BTN C19 dày 6cm tới cao độ mặt đường hiện hữu.

8.2.3. Hệ thống an toàn giao thông

- Tận dụng lại hệ thống ATGT (cọc tiêu, cọc H, cột Km, biển báo,...) còn tốt; sửa chữa, thay thế, bổ sung các vị trí bị hư hỏng, còn thiếu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

- Sơn hoàn trả, hoàn thiện hệ thống vạch sơn đường bằng sơn nhiệt dẻo phản quang theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT và yêu cầu kỹ thuật về sơn tín hiệu giao thông TCVN 8791:2011.

8.2.4. Đảm bảo an toàn giao thông và vệ sinh môi trường: tổ chức đảm bảo ATGT và VSMT trong suốt quá trình thi công tuân thủ theo quy định hiện hành.

9. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- QCVN 41:2024/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCVN 4054 - 2005: Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 13567-1:2022: Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;

- TCVN 13567-5:2024: Lớp mặt đường hỗn hợp nhựa nóng - Thi công nghiệm thu phần 5 - Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường bổ sung phụ gia SBS bằng phương pháp trộn khô;
- TCVN 8859:2023: Móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô, vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8858:2023: Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9505:2012: Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường axit - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8817:2011: Nhũ tương nhựa đường a xít - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử;
- TCVN 14270:2024: Nhũ tương nhựa đường axit thấm bám (EAP) - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 7887:2018: Màn phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ;
- TCVN 8791:2011: Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 14182:2024: Tiêu chuẩn kỹ thuật BDTX đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCCS 14:2016/TCĐBVN: Tiêu chuẩn cơ sở về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN: Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- Các Quyết định, Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức khác có liên quan do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố còn hiệu lực.

10. Tổng mức đầu tư, giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng), trong đó:

- | | | |
|-----------------------------------|----------------|-------|
| - Chi phí xây dựng: | 49.120.783.000 | đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 1.018.656.000 | đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 3.328.317.000 | đồng; |
| - Chi phí khác: | 752.733.000 | đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 2.579.511.000 | đồng. |

11. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025-2026 (theo kế hoạch chi được giao).

12. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: sự nghiệp chi hoạt động kinh tế đường bộ (Ngân sách nhà nước);
- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn: theo Kế hoạch giao dự toán chi của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

13. Hình thức quản lý dự án: áp dụng hình thức quản lý dự án là Ban Quản lý dự án chuyên ngành.

14. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trong các bước tiếp theo, Chủ đầu tư, đơn vị quản lý dự án thực hiện các nội dung sau:

1. Căn cứ các nội dung được duyệt tại Quyết định này và Báo cáo thẩm định số 348/QLCL ngày 28/10/2025 của Phòng Quản lý chất lượng, chỉ đạo tư vấn thiết kế hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, hoàn thiện chỉ dẫn kỹ thuật thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình, công trình để làm cơ sở cập nhật vào hồ sơ mời thầu của dự án.

2. Trước khi phát hành hồ sơ mời thầu gói thầu thi công xây dựng rà soát, cập nhật các hư hỏng và Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán gói thầu (nếu cần) để hạn chế việc phát sinh khối lượng trong quá trình triển khai gói thầu.

3. Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ đầu tư tổ chức quản lý chặt chẽ chất lượng công trình từ bước lựa chọn Nhà thầu thi công, Tư vấn giám sát đủ năng lực theo quy định; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, quản lý chặt chẽ chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn giao thông và vệ sinh môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật, tránh thất thoát lãng phí.

4. Trước khi triển khai thi công chỉ đạo các đơn vị liên quan:

a) Lập tiến độ thi công chi tiết của từng hạng mục công việc chính, phù hợp với tiến độ tổng thể; kiểm soát và đẩy nhanh tiến độ thi công để giảm thiểu tối đa thời gian thi công, hạn chế ảnh hưởng tới giao thông trên tuyến.

b) Rà soát chi tiết hiện trạng hư hỏng mặt đường hiện hữu, các số liệu đảm bảo trung thực, minh bạch và khách quan; căn cứ tình trạng hư hỏng móng, mặt đường thực tế, đánh giá tình trạng hư hỏng các lớp bên dưới để quyết định phạm vi, chiều sâu, giải pháp xử lý cho phù hợp đảm bảo việc sửa chữa chất lượng, triệt để hư hỏng, tiết kiệm kinh phí và hiệu quả đầu tư tổng thể của dự án.

c) Rà soát kỹ hệ thống ATGT, biển báo, sơn kẻ đường... trước khi thi công các hạng mục này để điều chỉnh, bổ sung (nếu cần) nhằm bảo đảm công trình được tổ chức giao thông khoa học, hợp lý và an toàn trong khai thác, sử dụng.

5. Trên cơ sở Quyết định này, triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành và căn cứ vào khối lượng thực tế, các chế độ chính sách hiện hành làm cơ sở quản lý, nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng và các căn cứ pháp lý khác có liên quan. Trong đó lưu ý: trường hợp cấp có thẩm quyền điều chỉnh chính sách thuế giá trị gia tăng thì thực hiện theo quy định đó; căn cứ thời gian thực hiện, nghiệm thu, thanh toán đối với từng khối lượng, hạng mục công việc để chiết giảm thuế VAT và một số phí, lệ phí có liên quan theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các Phòng Kế hoạch - Tài chính; Quản lý chất lượng; Quản lý bảo trì; Giám đốc Khu QLDB IV và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục trưởng (để b/c);
- Kho Bạc NN khu vực;
- Ban QLDA 8;
- TVTK (Khu QLDB IV sao, gửi);
- Lưu: VT, QLCL_(NHD).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Viết Huy